TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Bằng và ông Nguyễn Đình Điệt;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025 và Thông báo thay đổi lịch phiên toà số: 753/2025/TB -TA ngày 08/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; (có mặt)

Nơi Đ ký HKTT: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn*: Anh Trần Văn S, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015; (vắng mặt)

+ Cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu L và cháu Đ: chị Trần Thị H và anh Trần Văn S là bố mẹ đẻ của cháu L và cháu Đ.

3. *Người làm chứng*:

+ Bà Giáp Thị Ph, sinh năm 1950; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Lưu Thị T, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị H; biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Trần Văn S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tại tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 05/01/2015 theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì thì nảy sinh mâu thuẫn, theo như chị H trình bày: vợ chồng không hợp nhau về T cách, quan điểm sống, trong cách chăm sóc và dạy dỗ con cái cũng như mâu thuẫn về mặt kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, căng thẳng trong gia đình, sống chung một nhà nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh S không thương yêu và nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị. Đến khoảng cuối năm 2024, do áp lực cuộc sống hôn nhân, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh S, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Còn theo như anh S trình bày: mâu thuẫn của vợ chồng xoay quanh về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, không có sự tin tưởng nhau khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Việc chị H trình bày trong đơn, anh nhiều lần xúc phạm và đánh đập chị H, anh khẳng định là không đúng vì công việc anh chịu nhiều áp lực về nhà chị H thường xuyên cáu kỉnh, nóng giận nói những lời xúc phạm bố mẹ anh, trong lúc nóng giận anh có tát chị H mấy cái chứ không có chuyện đánh đập hay xúc phạm chị H. Ngoài ra, chị H thiếu trách nhiệm với con cái, không nuôi dưỡng, chăm sóc các con, thường xuyên đi làm không về thăm con, mà tự anh chăm sóc, nuôi dưỡng, chỉ chu cấp tiền nuôi hàng tháng cho các con, anh có khuyên ngăn chị H giảm tải công việc dành nhiều thời gian cho con nhiều hơn nhưng chị H không nghe khiến hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Khoảng đầu năm 2025, chị H tự ý bỏ về bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên, anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, đề nghị Toà án tạo điều kiện hoà giải cho vợ chồng anh chị, trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Toà án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Chị H và anh S đều xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018. Chị H và anh S đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu L và cháu Đ đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Trường hợp, anh chị không được nuôi cả hai con chung, Toà án giao cháu nào cho anh S và chị H chăm sóc, nuôi dưỡng thì hai anh chị cũng nhất trí và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: chị H và anh S đều xác định, vợ chồng anh chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị H và anh S đều xác định, anh chị không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Tú L trình bày: Quá trình cháu sống chung với bố mẹ, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân gì thì cháu không rõ, bố mẹ cháu không ở cùng nhau cũng từ lâu rồi. Từ nhỏ

đến lớn, cháu ở với bố cháu, từ khi bố mẹ cháu không ở với nhau, cháu vẫn thường xuyên gặp mẹ cháu, hàng tháng mẹ cháu gửi tiền về cho bà nội để chu cấp nuôi dưỡng chị em cháu ăn học mỗi tháng 3.000.000 đồng. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu có nguyên vọng xin được ở với bố cháu, còn việc cấp dưỡng nuôi cháu do bố mẹ cháu quyết định, cháu không có yêu cầu đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu. Việc cháu lựa chọn ở với bố cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai bắt ép, xúi giục cháu. Cháu L đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cháu theo quy định pháp luật.

Người làm chứng: Bà Giáp Thị Ph (là mẹ đẻ của anh S) và bà Lưu Thị T (là mẹ đẻ của chị H) trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh S, theo như bà Ph trình bày: một phần do anh S mải chơi, một phần do cách cư xử của chị H với gia đình nhà chồng không đúng mực, chị H hỗn láo, coi thường gia đình bà dẫn đến anh S bực tức có tát chị H vài cái. Còn theo như bà T trình bày: Do anh S mải chơi, lô đề cờ bạc, tiền lương hàng tháng anh S đi làm về không đưa tiền cho chị H chi tiêu, chăm sóc gia đình khiến hai vợ chồng cãi vã. Khoảng cuối năm 2024, chị H và anh S sống ly thân nhau. Vợ chồng anh S và chị H có 02 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018. Bà Ph, bà T có chung quan điểm xác định không liên quan gì đến vấn đề tài sản chung, nợ chung với chị H, anh S nên không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà T đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

UBND xã Đ cung cấp thông tin: Chị H và anh S tự nguyện Đ ký kết hôn tại UBND xã P nay là xã Đ vào ngày 05/01/2015 theo đúng quy định pháp luật. Chị H và anh S có 02 con chung là các cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được chị H và anh S mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị H trình bày quan điểm: Đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, chị vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S; về con chung, chị và anh S có 02 con chung. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được xin được nuôi dưỡng cả hai cháu L và cháu Đ đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, trường hợp chị không được nuôi cả hai cháu, Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc cháu nào thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về tài sản chung: Chị H xác định, chị và anh S có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: chị H xác định, chị và anh S không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn anh S trình bày quan điểm: Anh xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn, anh cũng đã cố gắng níu kéo chị H nhưng không được, đến nay anh xác định cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị H nhưng vì một số lý do nên anh không ký đồng ý thuận tình ly hôn với chị H, đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải

quyết; về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bày là đúng, ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu L và cháu Đ, yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, trường hợp anh không được nuôi cả hai cháu, Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng và chăm sóc cháu nào thì anh cũng nhất trí và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; về tài sản chung: anh xác định, vợ chồng anh có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: anh S xác định, anh và chị H không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người làm chứng bà Lưu Thị T trình bày: Việc kết hôn như chị H và anh S trình bày là đúng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh S chủ yếu về vấn đề kinh tế, anh S không chịu tu chí làm ăn mà chơi bời ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, gia đình bà cũng đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên anh S nhưng cũng không được. Nay chị H xin ly hôn anh S, đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. Vợ chồng chị H, anh S có 02 con chung như chị H và anh S trình bày là đúng. Trường hợp Toà án có giao con cho chị H nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho mẹ con chị H yên tâm sinh sống. Gia đình bà không liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ với vợ chồng chị H và anh S nên gia đình bà không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn S. Về con chung: Giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 cho anh Trần Văn S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, tự lập được; giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, tự lập được. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn S có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh S, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn S được tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tại UBND xã P nay là xã Đ vào ngày 05/01/2015 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, đến năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con cái và trong quản lý chi tiêu kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, không có sự tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, anh S không thương yêu, không tôn trọng chị, nhiều lần xúc phạm đánh đập chị. Còn anh S cho rằng chị H thiếu trách nhiệm với con cái, hàng tháng chỉ chu cấp tiền nuôi con mà phó mặc cho một mình anh phải chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, vợ chồng anh mâu thuẫn về vấn đề quản lý chi tiêu kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất. Anh S và chị H đều xác nhận, anh chị đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không còn liên lạc với nhau, kinh tế của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu từ cuối năm 2024 cho đến nay. Đến nay, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S và vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Anh S xác nhận, vợ chồng anh có mâu thuẫn, đến nay anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ và chung sống cùng nhau nhưng từ cuối năm 2024 cho đến nay cả hai anh chị sống ly thân nhau, vợ chồng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đều đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. Do vậy, việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh S là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh S đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 và cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018. Hiện nay, cả hai con chung đang ở với anh S. Ly hôn, chị H và anh S đều có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và đều yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp không được nuôi cả hai con chung, Tòa án giao cho chị H, anh S nuôi cháu nào thì anh chị cũng nhất trí và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. HĐXX xét thấy: Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung giữa chị H và anh S là như nhau, cả hai anh chị đều làm cùng một công ty, thời gian làm việc và thu nhập hàng tháng như nhau. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu L trên 07 tuổi, cháu bày tỏ nguyện vọng xin được ở với anh S. Để đảm bảo quyền của cha, mẹ được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn nên giao cho chị H và anh S mỗi người nuôi một cháu. Do vậy, giao cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

cháu L; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ từ tháng 8/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật. Chị H và anh S có quan điểm trường hợp mỗi người nuôi một cháu thì không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên không buộc chị H và anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H và anh Trần Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, vợ chồng không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tú L, sinh ngày 14/12/2015 cho anh Trần Văn S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 08/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 26/12/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 08/2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H và anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị H và anh Trần Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu chị H và anh S có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0004137, ngày 16/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Quyền